ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 921/QĐ-UBND	*Thái Bình, ngày 23 tháng 4 năm 2015*

QUYẾT ĐỊNH

V/v Công bố định mức, đơn giá công tác xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ đốt tại Nhà máy xử lý rác Thái Bình

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn;

Căn cứ Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 06/2008/TT-BXD ngày 20/3/2008 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 17/TTr-SXD ngày 15/4/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này định mức, đơn giá công tác xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ đốt tại Nhà máy xử lý rác Thái Bình được áp dụng kể từ ngày 01/02/2015 (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Sở Xây dựng có trách nhiệm tổ chức việc công bố, hướng dẫn, quản lý, giám sát việc áp dụng định mức, đơn giá công tác xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ đốt tại Nhà máy xử lý rác Thái Bình.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các Giám đốc Sở; Thủ trưởng các Ban, Ngành; Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ Xây dựng;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐ VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, KHTC, CTXDGT, TH.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Diên

PHỤ LỤC 1

ĐỊNH MỨC DỰ TOÁN CHO CÔNG TÁC XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT BẰNG CÔNG NGHỆ ĐỐT TẠI NHÀ MÁY XỬ LÝ RÁC THÁI BÌNH

(Kèm theo Quyết định số: 821/QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2015 của UBND tỉnh Thái Bình)

*** Thành phần công việc:**

- Nhận bàn giao ca, kiểm tra thiết bị, phương tiện trong dây chuyền sản xuất, chuẩn bị dụng cụ phục vụ sản xuất.

- Tập kết rác tại khu vực nhà tập kết, phun hoá chất diệt ruồi, phun chế phẩm vi sinh EM, phun hoá chất Bokáhi khử mùi hôi.

- Phân loại và vận chuyển rác tới khu vực ủ rác, thực hiện công tác ủ rác tại bể ủ.

- Vận chuyển rác từ khu vực ủ rác tới khu vực chờ đốt, nạp rác vào lò đốt, vận hành lò đốt thực hiện quá trình đốt rác.

- Vận chuyển tro xỉ sau đốt và rác thải không đốt trong quá trình phân loại tới bãi chôn lấp, thực hiện chôn lấp rác theo quy định.

- Hết ca vệ sinh khu làm việc, phương tiện, giao ca.

*** Các yêu cầu kỹ thuật**

- Xử lý chất thải phải đảm bảo tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 30:2012/BTNMT

- Hiệu suất xử lý rác tại lò đốt đạt tối thiểu 83% lượng rác đầu vào.

*** Bảng định mức**

Đơn vị tính: 01 tấn rác

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
MT.4.02.TB	Công tác xử lý chất thải sinh hoạt bằng công nghệ đốt rác tại nhà máy xử lý rác Thái Bình	***Vật liệu***		
		Vật liệu phục vụ công tác tiếp nhận, phân loại		
		Chế phẩm EM	Lit	0,4000
		Hoá chất diệt muỗi	Lit	0.0004
		Chế phẩm Bokashi	Kg	0,3500
		Vật liệu phục vụ công tác xử lý đốt rác		
		Dầu Diezen	Lit	1,6600
		Nước thô	Lit	1,2450
		Than hoạt tính	Kg	0,4150
		Phèn nhôm	Kg	0,4150
		Nhân công		
		Nhân công phân loại bình quân 4/7	Công	0,0740
		Máy thi công		
		Hệ thống lò đốt	Ca	0,0170
		Máy xúc phục vụ phân loại	Ca	0,0077
		Xe tải phục vụ phân loại	Ca	0,0028
		Xe ủi 75CV	Ca	0,0023
		Xúc lật phục vụ đốt rác	Ca	0,0042
		Xe tải vận chuyển tro đi chôn	Ca	0,0008

Ghi chú: Các định mức tiêu hao trên tính theo khối lượng rác đầu vào tiếp nhận

PHỤ LỤC 2

ĐƠN GIÁ DỰ TOÁN CHO CÔNG TÁC XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT BẰNG CÔNG NGHỆ ĐỐT TẠI NHÀ MÁY XỬ LÝ RÁC THÁI BÌNH

(Kèm theo Quyết định số 821/QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2015 của UBND tỉnh Thái Bình)

*** Thành phần công việc:**

- Nhận bàn giao ca, kiểm tra thiết bị, phương tiện trong dây chuyền sản xuất, chuẩn bị dụng cụ phục vụ sản xuất.

- Tập kết rác tại khu vực nhà tập kết, phun hoá chất diệt ruồi, phun chế phẩm vi sinh EM, phun hoá chất Bokáhi khử mùi hôi.

- Phân loại và vận chuyển rác tới khu vực ủ rác, thực hiện công tác ủ rác tại bể ủ.

- Vận chuyển rác từ khu vực ủ rác tới khu vực chờ đốt, nạp rác vào lò đốt, vận hành lò đốt thực hiện quá trình đốt rác.

- Vận chuyển tro xỉ sau đốt và rác thải không đốt trong quá trình phân loại tới bãi chôn lấp, thực hiện chôn lấp rác theo quy định.

- Hết ca vệ sinh khu làm việc, phương tiện, giao ca.

*** Các yêu cầu kỹ thuật**

- Xử lý chất thải phải đảm bảo tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 30:2012/BTNMT

- Hiệu suất xử lý rác tại lò đốt đạt tối thiểu 83% lượng rác đầu vào.

*** Bảng đơn giá**

Đồng/ tấn rác đầu vào

STT	Chi phí theo đơn giá	Cách tính	Đơn giá	Kí hiệu
	Chi phí vật liệu		49.528	A
	Chi phí nhân công		18.335	B
	Chi phí máy thi công		241.198	C
I	Chi phí trực tiếp	A+B+C	309.061	TT
II	Chi phí quản lý chung	C*4,5%	10.854	CPC
III	Tổng chi phí	TT+CPC	319.915	TCP
IV	Lợi nhuận định mức	TCP*4,5%	14.396	LN
V	Tổng cộng	TCP+LN	334.311	G
VI	Thuế VAT	10%*G	33.431	VAT
VI	**Đơn giá sau thuế**	**G+VAT**	**367.742**	**ĐG**

Văn bản được ký số bởi:
Văn phòng UBND tỉnh

Thời gian ký số:
24/04/2015 08:05:36